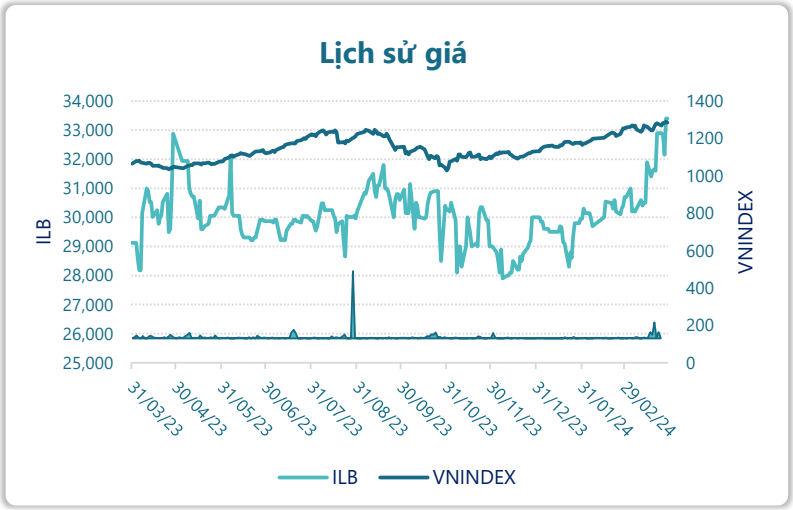
FireAnt

CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình (HSX: ILB)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**33,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,900
SL cổ phiếu LH	24,502,245
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,015
% sở hữu nước ngoài	3.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	818
P/E	8.1
EPS	4,109

DT thuần

Q1/24

114

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.0| -17.0%

YoY: ▼13.0| -10.4%

LN sau thuế

Q1/24

26.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.70| 2.8%

YoY: ▼1.00| -3.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

29.5%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

2023

532

tỷ VNĐ

YoY: ▼51.0| -8.8%

LN sau thuế

2023

104

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.30| 7.5%

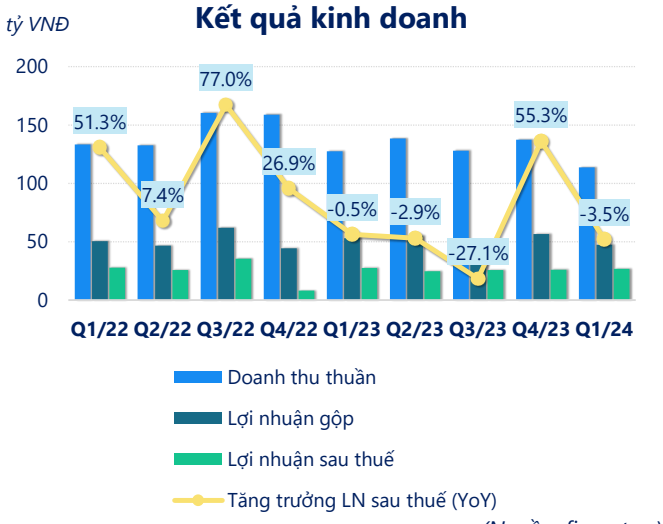
ROE

2023

18.5%

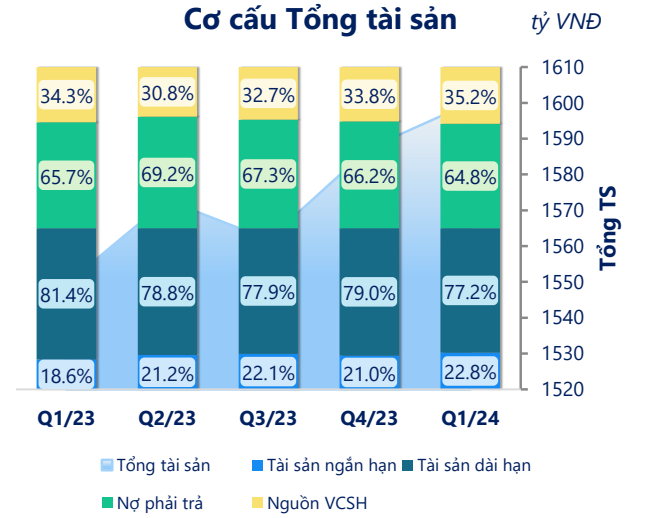
+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh



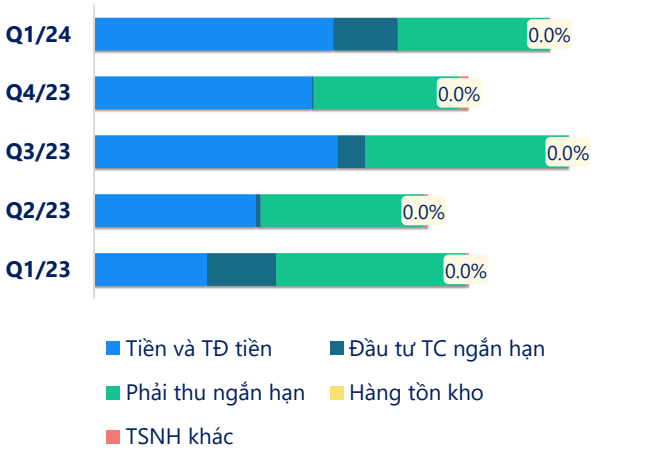
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



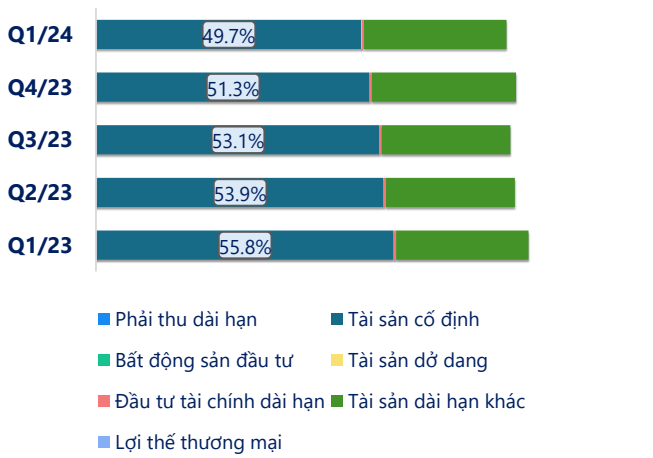
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



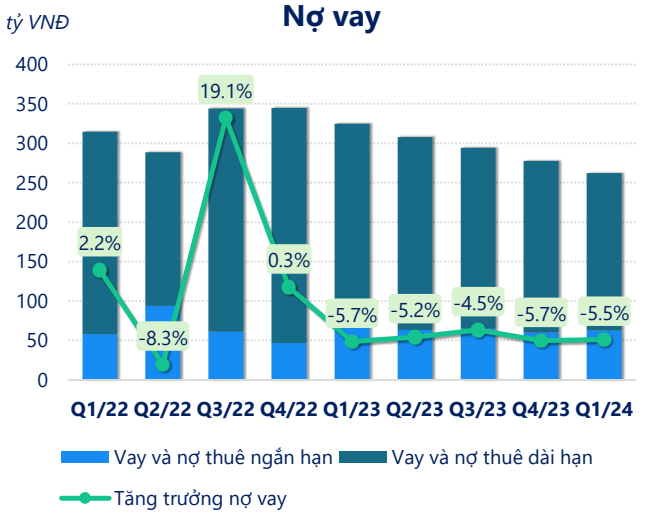
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



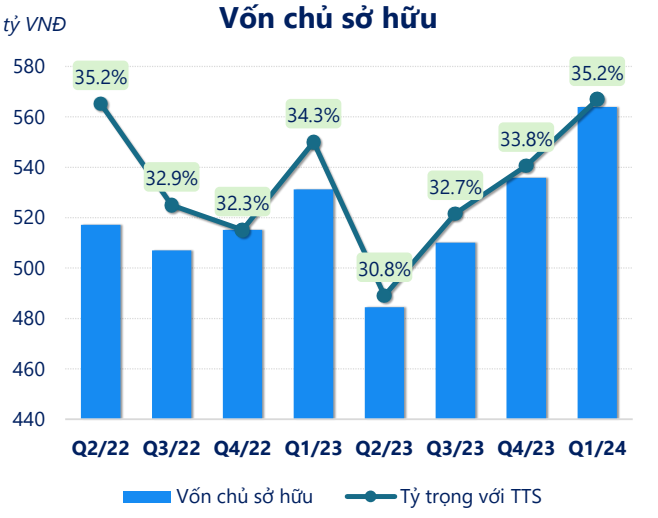
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



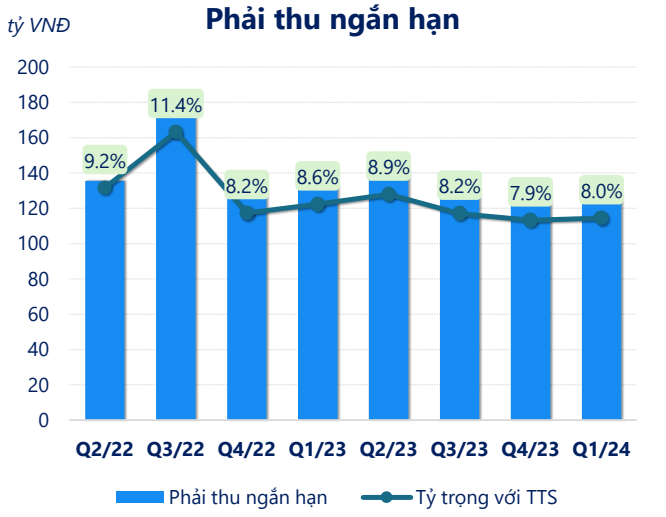
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



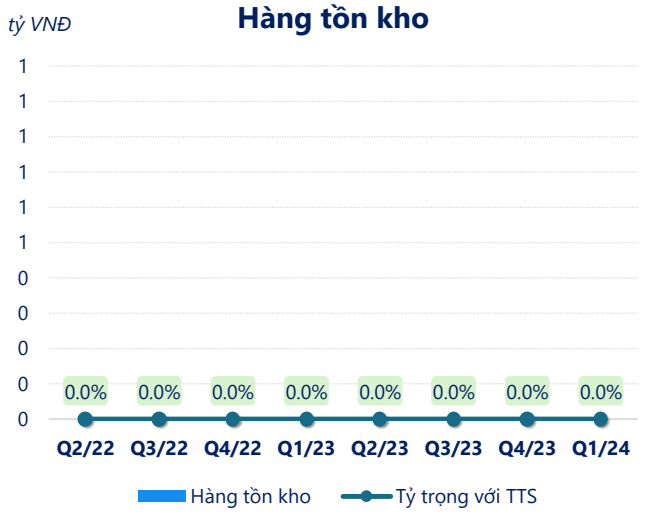
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



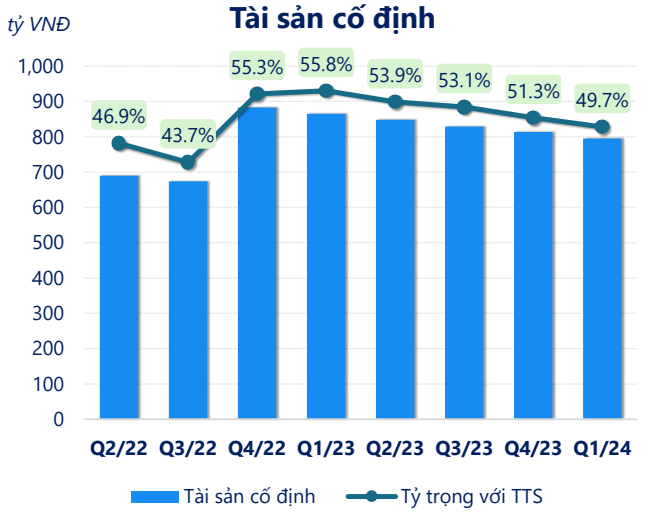
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



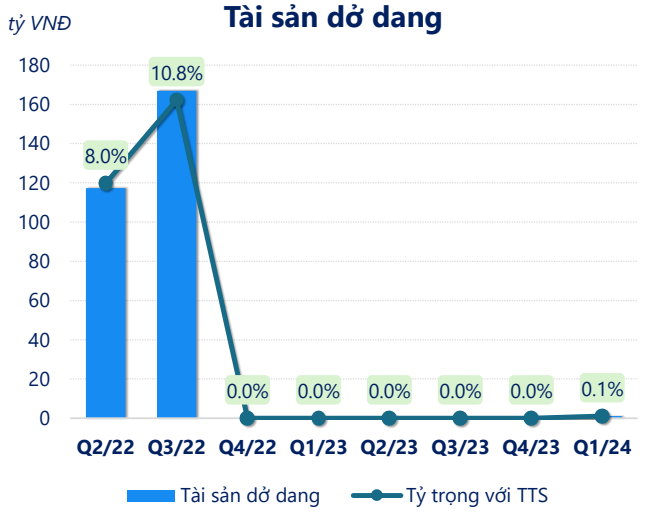
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



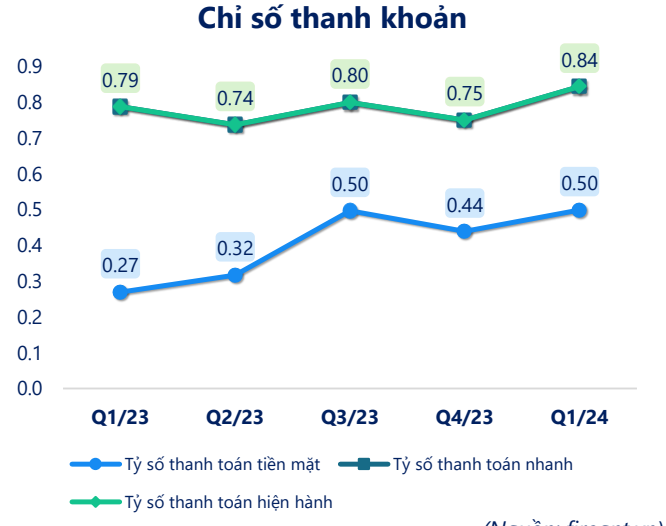
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



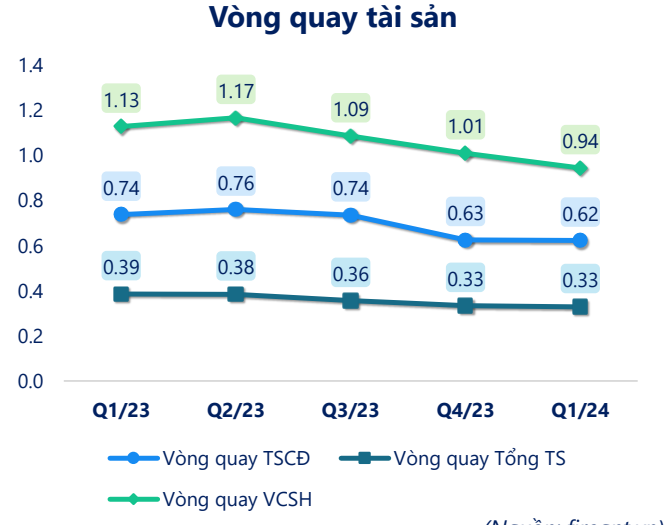
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,549**	**1,573**	**1,562**	**1,587**	**1,600**
Tài sản ngắn hạn	**289**	**334**	**345**	**334**	**365**
Tiền và tương đương tiền	98.7	144	214	195	216
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.5	48.5	2.00	9.00	15.0
Phải thu ngắn hạn	133	141	128	126	128
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	1.27	0.64	3.71	6.00
Tài sản dài hạn	**1,261**	**1,239**	**1,217**	**1,254**	**1,235**
Phải thu dài hạn	2.17	2.47	2.67	2.67	2.69
Tài sản cố định	865	848	829	814	795
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	1.16
Đầu tư tài chính dài hạn	7.24	7.24	7.24	7.24	7.24
Tài sản dài hạn khác	386	381	378	430	429
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,018**	**1,088**	**1,052**	**1,052**	**1,036**
Nợ ngắn hạn	**366**	**453**	**431**	**445**	**432**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.9	63.5	64.7	60.0	62.5
Phải trả người bán ngắn hạn	154	152	160	229	233
Nợ dài hạn	652	635	620	607	604
Vay và nợ thuê dài hạn	258	244	229	218	200
Nguồn vốn chủ sở hữu	**531**	**484**	**510**	**536**	**564**
Vốn chủ sở hữu	**531**	**484**	**510**	**536**	**564**
Vốn điều lệ	245	245	245	245	245
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)